

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 30-3-2018

“Tranh chấp về Hôn nhân
và gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dương Viết Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Đào

2. Bà Đậu Thị Phú

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Kim Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: ông Nguyễn Thái - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở. Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 105/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1978

Địa chỉ nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Ngô Xuân S, sinh năm 1971

Địa chỉ nơi cư trú: thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 13/12/2017, bản tự khai, quá trình hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ngô Xuân S có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào năm 1994, nhưng do quá trình cất giữ giấy chứng nhận kết hôn bản gốc đã bị mất trong cơn bão năm 2010, nên chị đã làm đơn trình bày về việc mất giấy đăng ký kết hôn và được UBND xã Q xác nhận chị và anh Ngô Xuân S có đăng ký kết hôn năm 1994, nhưng hiện nay tại UBND xã Q không còn lưu giữ sổ gốc nên không thể cấp trích lục giấy đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn vợ chồng tổ chức đám cưới

và về sống chung cùng gia đình bố mẹ anh S. Sau một thời gian vợ chồng ra làm nhà ở riêng. Vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc đến khoảng tháng 11/2014 thì phát sinh mâu thuẫn căng thẳng. Nguyên nhân là do hai bên không hợp tính nhau, không chung quan điểm sống nên thường xuyên có những lời nói xúc phạm, thiếu tôn trọng, chửi bới nhau, anh S thường uống rượu về gây gỗ đánh đập chị, chịu không nổi cuộc sống chung cùng nhau nên chị đã đưa các con bỏ về nhà bố mẹ để sinh sống từ tháng 11/2014 cho đến nay, hai bên sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau. Hiện nay chị thấy mâu thuẫn đã căng thẳng, hai bên đã sống ly thân nên tình cảm vợ chồng không còn và không thể trở lại chung sống cùng nhau. Vì vậy, chị kiên quyết xin ly hôn anh Ngô Xuân S để sớm ổn định cuộc sống bản thân và nuôi dạy con chung.

Tại biên bản lấy lời khai và quá trình hoà giải anh Ngô Xuân S trình bày: Anh đồng ý như phần trình bày của chị Nguyễn Thị L về quá trình tìm hiểu, đăng ký kết hôn và chung sống vợ chồng, còn về nguyên nhân mâu thuẫn là do công việc của anh vất vả, nhưng về nhà chị L không động viên, giúp đỡ mà còn nói năng thế này, thế khác, anh thì tính nóng nảy nên hai bên thường xuyên có những lời nói xúc phạm, thiếu tôn trọng và chửi mắng nhau, anh tức giận nên một vài lần đánh chị L dẫn đến khoảng tháng 11/2014 chị L đưa các con bỏ về nhà mẹ để chị sống, hai bên sống ly thân. Lúc đầu chị L bỏ về anh và gia đình có sang xin lỗi, động viên chị L bỏ qua những mâu thuẫn vợ chồng để trở lại sống chung cùng nhau và nuôi dạy con chung, nhưng chị L không chịu trở lại mà còn làm đơn xin ly hôn. Hiện nay anh thấy mâu thuẫn vợ chồng chưa đến mức căng thẳng, hai bên có thể khắc phục được, với lại anh vẫn còn tình cảm và thương yêu chị L và các con, nên mong chị L bỏ qua những mâu thuẫn của vợ chồng để trở lại sống chung đoàn tụ cùng nhau và nuôi dạy con chung.

Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân S đều thống nhất trình bày vợ chồng có ba con chung cháu Ngô Hồng S, sinh ngày 03/10/1995; cháu Ngô Thị L1, sinh ngày 10/5/1998 và cháu Ngô Linh Nh, sinh ngày 22/11/2008. Hiện nay, cháu S và cháu L1 trưởng thành trên 18 tuổi, đã tự làm ăn và có thu nhập để lo cho bản thân, nên vợ chồng ly hôn thì các cháu S và L1 muốn sống cùng ai là tùy thuộc các cháu; còn cháu Nh hiện đang là học sinh và sinh sống cùng chị L kể từ tháng 11/2014 cho đến nay.

Sau khi ly hôn chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Nh và không yêu cầu anh S cấp dưỡng tiền nuôi con, nhưng anh S thương con mà cho con bao nhiêu thì tùy anh S.

Còn anh S có nguyện vọng được giao con chung Ngô Linh Nh cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và anh sẽ có trách nhiệm cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi.

Về quan hệ tài sản và công nợ chung: chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân S thoả thuận tự phân chia không yêu cầu Toà án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và

hòa giải nhiều lần cho anh Ngô Xuân S nhưng anh S chỉ có mặt một lần duy nhất, các lần khác anh S đều vắng mặt không có lý do.

Ngày 06/3/2018 Toà án nhân dân huyện Quảng Trạch đã tiến hành xác minh về việc đăng ký kết hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân S tại chính quyền địa phương, cũng như người từng giữ chức vụ tư pháp thời điểm năm 1994, kết quả cho thấy: Do quá trình cất giữ sổ sách từ thời điểm năm 1994 trở về trước tại UBND xã bị mối ăn, hiện nay không còn lưu giữ sổ gốc từ năm 1994 trở về trước nên không biết được việc chị L và anh S có đăng ký kết hôn hay không.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình, còn bị đơn mặc dù trong quá trình giải quyết vụ án được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý. Ngày 22 tháng 3 năm 2018, Tòa án đã mở phiên tòa lần thứ nhất nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do thể hiện bị đơn cố tình vắng mặt nhằm gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án. Vì vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn; về nội dung vụ án: thấy rằng không đủ căn cứ để xác định việc chị L và anh S có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền theo quy định của pháp luật, với lại mâu thuẫn hai bên đã căng thẳng, mỗi người sống một nơi nên mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 9, 14, 15 Luật hôn nhân và gia đình để xử không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân S là vợ chồng; về quan hệ con chung: xử giao cháu Nh cho chị Liễu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi; về tài sản và nợ chung: Hai bên đồng ý thỏa thuận tự phân chia nên không xem xét giải quyết; về án phí chị L phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm, anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 12 năm 2017 của chị Nguyễn Thị L. Tòa án xác định đây là vụ án “Hôn nhân và gia đình” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự. Quá trình chuẩn bị xét xử anh Ngô Xuân S đã nhiều lần vắng mặt không có lý do. Ngày 22/3/2018 Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử, nhưng anh S vắng mặt lần thứ nhất không có lý do nên đã hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh S vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn anh Ngô Xuân S.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân S đều khai nhận đã kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q vào năm 1994, nhưng chị L, anh S không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn hoặc trích lục

giấy đăng ký kết hôn, mà chỉ có đơn trình bày được chính quyền địa phương xác nhận anh, chị có đăng ký kết hôn vào năm 1994, nhưng hiện nay sổ kết hôn gốc 1994 trở về trước không còn lưu trữ. Tòa án đã tiến hành điều tra, xác minh tại chính quyền địa phương nơi anh chị đăng ký kết hôn nhưng UBND xã Q cho biết hiện nay không có sổ lưu đăng ký kết hôn từ năm 1994 trở về trước; còn người thực hiện đăng ký kết hôn thời gian năm 1994 cho biết không nhớ có thực hiện việc đăng ký kết hôn cho chị L, anh S hay không nên không đủ cơ sở để khẳng định chị L, anh S đã đăng ký kết hôn tại UBND xã Q như anh, chị đã khai. Mặc dù anh chị có đủ điều kiện để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng anh chị không trực tiếp đến đăng ký kết hôn lại tại cấp có thẩm quyền khi phát hiện mất giấy chứng nhận kết hôn và không có tên trong sổ đăng ký kết hôn của chính quyền địa phương mà vẫn sống chung cùng nhau như vợ chồng. Với lại, khi sống chung cùng nhau hai bên xảy ra mâu thuẫn căng thẳng, đã sống mỗi người một nơi không quan tâm gì đến nhau, ai lo và biết công việc nấy nên tình cảm không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị L kiên quyết xin ly hôn, còn anh S thì mong muốn chị L bỏ qua những mâu thuẫn để trở lại sống chung cùng nhau và nuôi dạy con chung, nhưng Tòa án đã báo anh nhiều lần nhưng anh đều vắng mặt thể hiện anh đã bỏ mặc, không quan tâm đến gia đình và không có biện pháp gì để thuyết phục chị L trở lại làm thủ tục đăng ký kết hôn cùng anh. Vì vậy, cuộc sống chung của anh chị không thể kéo dài, không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng nên Hội đồng xét xử xét thấy không có đủ căn cứ để khẳng định anh chị đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên áp dụng Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận chị L và anh S là vợ chồng.

[3] Về quan hệ con chung: Xét yêu cầu của hai bên đương sự thấy. Hiện nay, cháu Ngô Hồng S, sinh ngày 03/10/1995 và cháu Ngô Thị L1, sinh ngày 10/5/1998 đều trưởng thành trên 18 tuổi, đã tự làm ăn và có thu nhập để lo cho bản thân nên các cháu muốn sống cùng ai là tùy các cháu; còn cháu Ngô Linh Nh, sinh ngày 22/11/2008 hiện đang là học sinh, được chị L quan tâm, lo lắng việc ăn ở học tập từ tháng 11/2014 cho đến nay, anh S thỉnh thoảng đến thăm cháu mà không góp tiền cùng chị L để chăm nuôi cháu. Với lại, cháu Nh cũng có nguyện vọng được ở cùng chị L và trong quá trình giải quyết vụ án anh S cũng có ý kiến nếu ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Nh cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và tự nguyện góp tiền cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân. Vì vậy, cần áp dụng các Điều 14, 15, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình xử giao cháu Ngô Linh Nh, sinh ngày 22/11/2008 cho chị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Ngô Xuân S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị L mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2018 cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân là phù hợp với điều kiện của hai bên, nguyện vọng của cháu Nh và tình hình thực tế tại địa phương.

[4] Về quan hệ tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân S thoả thuận tự phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, anh S phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ. Chị L, anh S được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147 và điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự; các Điều 9, khoản 1 Điều 14, 15, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xét xử vụ án vắng mặt anh Ngô Xuân S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị L và anh Ngô Xuân S là vợ chồng.

3. Về quan hệ con chung: Xử giao con chung Ngô Linh Nh, sinh ngày 22/11/2008 cho chị Nguyễn Thị L được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Ngô Xuân S có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng chị Liễu mỗi tháng 1.000.000 đồng, kể từ tháng 4/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, có khả năng lao động tự nuôi sống bản thân.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

4. Về quan hệ tài sản và nợ chung: Không xem xét

5. Về án phí dân sự ly hôn sơ thẩm: xử buộc chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị đã nộp theo biên lai số 0002384 ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q. Chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

Buộc anh Ngô Xuân S phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí cấp dưỡng tiền nuôi con theo định kỳ để sung vào công quỹ Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai, có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn. Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc Toà án niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Q;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS huyện Q;
- TAND tỉnh Quảng Bình (02 bản);
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN- CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Dương Viết Hải